TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2019
V/v ly hôn giữa anh T và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Bùi Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị Tuyết tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị T sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống kể cả về kinh tế lẫn tình cảm vợ chồng, tháng 8 năm 2017 chị T về nhà đẻ ở vợ chồng sống ly thân sau đó được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhưng đến ngày 11/6/2018 khi con bị ốm chị T lại bế con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng anh sống ly thân, không quan tâm gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 17/4/2017, hiện nay cháu đang ở với chị T, khi ly hôn anh nhất trí tiếp tục giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án bị đơn chị Phạm Thị Tuyết T trình bày: Chị nhất trí với lời trình bầy của anh T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị với mẹ chồng có khúc mắc, anh T nghe mẹ nên thường xuyên chửi bới, đuổi vợ con đi, anh T đi làm về không hỏi han giúp đỡ vợ con mà ngồi chơi điện thoại. Nên ngày 05/05/2018 âm lịch chị bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, anh T làm đơn xin ly hôn chị nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên, tuổi như anh T trình bày là đúng; từ khi chị bế cháu K về nhà ông bà ngoại ở anh T không quan tâm, trách nhiệm gì đến cháu; Vì vậy, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Tuyết T giữ nguyên quan điểm trình bày và đề nghị tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tuyết T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 6 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, anh T làm đơn xin ly hôn, chị T đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh T và chị T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Phạm Thị Tuyết T của anh Pham Văn T, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 17/4/2017, hiện nay cháu K đang ở với chị T. Khi vợ chồng ly hôn,

xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đồng ý giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Xử ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Tuyết T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Xử giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thi Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai số 0002176 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, anh T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu: HS.